|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT QUỐC TUẤN  **TỔ TOÁN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *An Lão, ngày 30 tháng 3 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH**

**TỔ CHỨC ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023**

**MÔN TOÁN**

**I. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

*Căn cứ Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng ; Công văn số 280/SGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Sở GD-ĐT Hải Phòng về Lịch chỉ đạo thực hiện Chương trình Giáo dục trung học năm học 2022-2023; Công văn số 2766/SGDĐT-GDTrH ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2022-2023; Thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023; Căn cứ kết quả Hội thảo công tác nâng cao hiệu quả ôn thi tốt nghiệp THPT năm học 2022-2023 của nhà trường và căn cứ vào tình hình thực tiễn nhà trường; căn cứ vào kế hoạch số /KH-THPTQT, nhóm Toán xây dựng kế hoạch tổ chức ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2022 như sau:*

**II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

***1. Thuận lợi, khó khăn***

***a. Thuận lợi:***

- Năm học 2022-2023 diễn ra trong điều kiện bình thường mới sau dịch Covid -19, hoạt động dạy học đã được thực hiện trực tiếp, không phải học online.

- Ban giám hiệu quan tâm chỉ đạo, xây dựng kế hoạch ôn tập sát sao; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện ôn tập.

- Các giáo viên trong tổ có trách nhiệm cao trong công việc; giáo viên tận tâm với học sinh. Một số thầy cô đã ôn thi nhiều năm, đã tích luỹ được nhiều kinh nghiệm ôn tập với nhiều đối tượng học sinh khác nhau như cô Trang, cô Hạnh.

- Cha mẹ học sinh quan tâm, ủng hộ, phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong quản lý, đôn đốc học sinh học tập.

- Phương thức thi, đề thi, cách thức tính điểm xét tốt nghiệp dựa vào học bạ vẫn ổn định tạo điều kiện cho học sinh dễ tốt nghiệp.

***b. Khó khăn***

- Điểm thi đầu vào lớp 10 của học sinh vẫn còn khá thấp. Đa số năm học lớp 9 các em có lực học trung bình và trung bình khá, số ít có học lực khá. Một bộ phận học sinh chưa chăm, chưa ý thức tốt cho việc học tập và rèn luyện, quyết tâm chưa cao.

- Một bộ phận học sinh ý thức học tập chưa cao, chưa chủ động trong việc ôn tập. Việc nhiều học sinh yếu về năng lực toán ở các năm trước (thường rơi vào nhóm thi KHXH) vẫn đỗ tốt nghiệp do điểm các môn khác kéo lên tạo gương xấu cho một số học sinh thế hệ sau.

- Đề thi có mức độ bao phủ kiến thức rộng, để đạt được điểm từ 9,0 trở lên cần sự tư duy nhanh, năng lực tốt, không phụ thuộc vào dạng bài, đây là điểm yếu của học sinh và cả giáo viên tham gia ôn.

- Việc học thêm, học tăng cường năm học này có một số biến động nên thời gian ôn tập của học sinh bị giảm bớt.

***2. Đặc điểm học sinh***

- Số lượng học sinh khối 12 năm học 2022-2023 là 359 học sinh được biên chế thành 08 lớp; trong đó A1, A2, A5 ôn thi theo tổ hợp tự nhiên; các lớp A3, A4, A6, A7, A8 ôn thi theo tổ hợp xã hội.

- Chất lượng học sinh qua một vài thống kê đầu vào ôn tập

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LẦN 1 (của trường)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Giáo viên dạy** | **SS** | **Dưới 5** | **Trên 5** | **TB** | **Điểm cao nhất** | **Điểm thấp nhất** |
| 1 | 12A1 | Nguyễn Thị Hoan | 45 | 4 | 41 | 6.43 | 8.2 | 3.0 |
| 2 | 12A2 | Hoàng Thị Phượng | 45 | 7 | 38 | 5.90 | 8.6 | 2.8 |
| 3 | 12A3 | Bùi Quang Hưng | 46 | 12 | 34 | 5.41 | 7.4 | 2.6 |
| 4 | 12A4 | Bùi Thị Trang | 45 | 7 | 38 | 6.19 | 8.2 | 3.8 |
| 5 | 12A5 | Hoàng Thị Phượng | 44 | 12 | 22 | 5.65 | 8.2 | 3.6 |
| 6 | 12A6 | Đỗ Thị Mỹ Hạnh | 45 | 19 | 26 | 4.96 | 7.4 | 1.8 |
| 7 | 12A7 | Bùi Quang Hưng | 46 | 18 | 26 | 5.02 | 7.4 | 2.6 |
| 8 | 12A8 | Nguyễn Thị Hoan | 43 | 22 | 21 | 4.87 | 7.0 | 2.8 |
| **TỔNG** | | | **359** | **101** | **246** | **5.56** |  |  |

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LẦN 2 (của Sở)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Giáo viên dạy** | **SS** | **Dưới 5** | **Trên 5** | **TB** | **Điểm cao nhất** | **Điểm thấp nhất** |
| 1 | 12A1 | Nguyễn Thị Hoan | 45 | 2 | 43 | 6.84 | 8.4 | 4.8 |
| 2 | 12A2 | Hoàng Thị Phượng | 45 | 3 | 42 | 6.60 | 8.2 | 3.8 |
| 3 | 12A3 | Bùi Quang Hưng | 46 | 5 | 41 | 5.97 | 8.0 | 3.8 |
| 4 | 12A4 | Bùi Thị Trang | 45 | 4 | 41 | 6.70 | 8.6 | 4.4 |
| 5 | 12A5 | Hoàng Thị Phượng | 44 | 4 | 40 | 6.24 | 8.2 | 4.4 |
| 6 | 12A6 | Đỗ Thị Mỹ Hạnh | 45 | 14 | 31 | 5.51 | 7.6 | 3.8 |
| 7 | 12A7 | Bùi Quang Hưng | 46 | 5 | 41 | 5.80 | 7.6 | 4 |
| 8 | 12A8 | Nguyễn Thị Hoan | 43 | 9 | 34 | 5.59 | 7.6 | 2.8 |
|  | | | **359** | **46** | **313** | **6.16** |  |  |

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LẦN 3 (của Sở): TB 6.25

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Giáo viên dạy** | **SS** | **Dưới 5** | **Trên 5** | **TB l2** | **TB lần 3** | **Điểm cao nhất** | **Điểm thấp nhất** |
| 1 | 12A1 | Nguyễn Thị Hoan | 45 |  |  | 6.84 | 7.00 |  |  |
| 2 | 12A2 | Hoàng Thị Phượng | 45 |  |  | 6.60 | 6.90 |  |  |
| 3 | 12A3 | Bùi Quang Hưng | 46 |  |  | 5.97 | 6.22 |  |  |
| 4 | 12A4 | Bùi Thị Trang | 45 |  |  | 6.70 | 6.81 |  |  |
| 5 | 12A5 | Hoàng Thị Phượng | 44 |  |  | 6.24 | 6.47 |  |  |
| 6 | 12A6 | Đỗ Thị Mỹ Hạnh | 45 |  |  | 5.51 | 5.56 |  |  |
| 7 | 12A7 | Bùi Quang Hưng | 46 |  |  | 5.80 | 5.66 |  |  |
| 8 | 12A8 | Nguyễn Thị Hoan | 43 |  |  | 5.59 | 5.35 |  |  |
|  | | | **359** | **46** | **313** | **6.16** |  |  |  |

Đánh giá chung: Học sinh cơ bản có chất lượng tương đồng như năm học trước, qua hai lần tổ chức khảo sát, thấy đa phần các lớp, các thầy cô đã có sự cố gắng, mọi chỉ số tiến bộ đều tăng.

***3. Kết quả thi tốt nghiệp THPT một số năm***

Kết quả tổng thể

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Toàn quốc** | **Thành phố** | **Trường** | **Điểm trung bình của giáo viên**  **Ôn thi** | | | | |
| 2021 | 6.61 | 6.965 | 6.82  (xếp 34/75) | Bính  7.0 | Thảo  6.96 | Hà  6.6 | Hoan  6.68 |  |
| 2022 | 6.74 | 6.9 | 6.99  (30/76) | Bính  6.4 | Thảo  6.79 | Hưng  7.46 | Hạnh  6.98 | Trang  6.96 |

Kết quả nổi bật: Có 43 học sinh điểm từ 8 trở lên. Cao nhất là 9.0, thấp nhất là 3.4.

Có 1 học sinh được biểu dương trong đó có tổ hợp môn Toán.

Đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả năm học trước.

b. Nguyên nhân hạn chế về khách quan do tình hình dịch bệnh tại thời điểm ôn tập, học sinh còn phải học online nhiều. Nhiều em ý thức khi học online yếu, mở máy học để điểm danh sau đó đi làm việc khác hoặc đi chơi. Quỹ thời gian phụ đạo học sinh yếu bị hạn chế vì đối tượng học sinh yếu đi kèm ý thức chưa tốt nên các em không tham gia phụ đạo online.

- Về chủ quan, do cách thức ôn tập của giáo viên chưa hợp lý, chưa theo kịp với tình hình mới, còn thiếu các biện pháp ôn tập tích cực cho từng đối tượng học sinh, đề cương tài liệu chưa sát với năng lực học sinh. Kế hoạch ôn thi chưa cụ thể, chưa có các giải pháp tác động mạnh từ tổ nhóm chuyên môn. Việc chia sẻ kinh nghiệm, tài liệu chưa hiệu quả.

Tuy nhiên, kết quả năm trước cũng có những điểm tích cực ở số lượng học sinh đạt điểm cao nhiều hơn, có học sinh được biểu dương trong tổ hợp các môn xét ĐH.

**III. YÊU CẦU, MỤC TIÊU**

***1. Yêu cầu***

- Việc dạy ôn tập thi tốt nghiệp THPT cho học sinh 12 phải được thực hiện theo đúng tinh thần của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm học thêm và Quyết định số 2050/UBND ngày 21 tháng 11 năm 2012 của UBND thành phố qui định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố,đặc biệt phải được sự đồng thuận của học sinh và Cha mẹ học sinh.

- Nội dung ôn tập phải bám sát theo hướng dẫn mới nhất của Bộ giáo dục và Đào tạo và xây dựng đề cương, đề ôn tập phải bám sát đề minh họa của Bộ GD và ĐT.

- Yêu cầu mức độ kiến thức cần đạt được của từng lớp.

- Đảm bảo không cắt xén chương trình, nội dung trước khi ôn tập, bám sát các kế hoạch của cấp trên.

***2. Mục tiêu chung***

Tỷ lệ học sinh thi tốt nghiệp trung học phổ thông:

+ Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT đạt 100%.

+ Điểm trung bình 4 bài thi tốt nghiệp THPT tăng ít nhất 1 bậc so với mặt bằng của thành phố.

+ Phấn đấu có: 02 môn nằm trong tốp 20 của thành phố; 5 môn đạt mặt bằng của thành phố trở lên; các môn Lý, Hóa, Sinh, Sử, Tiếng Anh có sự chuyển biến về chất lượng, thứ hạng so với năm 2022.

- Tỷ lệ học sinh Đỗ đại học đạt 80% trở lên số học sinh có đăng kí nguyện vọng xét đại học. Phấn đấu có từ 35 học sinh đạt 25 điểm; có học sinh đạt 27 điểm trở lên ở tổ hợp 3 môn xét tuyển truyền thống.

***3. Mục tiêu riêng***

- Điểm trung bình: 7,0 hoặc vượt trung bình thành phố.

- Không có học sinh bị điểm liệt.

- Có ít nhất 5 học sinh từ 9 điểm trở lên. Có học sinh tham gia khối thi đạt biểu dương hoặc tổng từ 25 điểm trở lên.

**IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

***1. Đối với tổ chuyên môn***

- Rà soát việc thực hiện tiến độ chương trình lớp 12 trên mỗi giáo viên;

- Trao đổi, thảo luận, thống nhất nội dung và xây dựng khung chương trình, kế hoạch ôn tập trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ, Sở, kế hoạch của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch và đề cương ôn tập bám sát cấu trúc đề thi của Bộ GD&ĐT; đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục cấp THPT; rút kinh nghiệm từ kì thi năm trước; quan tâm giúp học sinh nâng cao các mức độ nhận biết,thông hiểu và vận dụng kiến thứctheo hướng đánh giá năng lực học sinh trên tinh thần phân hóa, bám sát đối tượng*,* đáp ứng yêu cầu của kì thi tốt nghiệp THPT năm 2023. Đề cương đảm bảo giúp học sinh tăng tính tự học, tự ôn tập.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tập trung thảo luận các vấn đề liên quan đến nội dung ôn thi; phương pháp giảng dạy tích cực, hiệu quả; giải pháp giúp học sinh yếu kém; nâng cao kiến thức đối với học sinh khá giỏi có nguyện vọng xét tuyển đại học, cao đẳng ngành sư phạm. Phân tích cấu trúc đề minh hoạ 2023 của Bộ để nắm bắt được ma trận, mức độ của từng chủ đề.

- Thống kê, so sánh các thông số về chất lượng trong từng giai đoạn qua các lần khảo sát để có sự điều chỉnh, động viên kịp thời giáo viên và học sinh.

- Tăng cường tổ chức dự giờ, thăm lớp các giáo viên trong nhóm, tổ; rút kinh nghiệm về phương pháp, cách thức tổ chức giờ dạy…

- Xây dựng bộ đề cương, ngân hàng câu hỏi thi, câu hỏi trắc nghiệm; thiết kế các đề thi dựa trên cấu trúc đề thi năm trước, đề thi minh hoạ 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phấn đấu ngoài các đợt kiểm tra khảo sát chung sẽ có 1 đến 2 lần khảo sát của nhóm.

- Yêu cầu mỗi giáo viên dựa trên kế hoạch của tổ, xây dựng kế hoạch ôn tập chi tiết cho lớp dạy, cho nhóm đối tượng trên mỗi lớp theo hướng phân hoá. Phân hoá kỹ các đối tượng học sinh trong lớp như: Học sinh chỉ có nguyện vọng tốt nghiệp, học sinh xét ĐH có môn Toán, học sinh yếu, học sinh có nguy cơ liệt. Với mỗi nhóm, yêu cầu GV có giải pháp ôn tập phù hợp. Chú trọng nhóm đối tượng từ 5-6 điểm.

- Triển khai các yêu cầu và tinh thần chỉ đạo của Sở qua các buổi tập huấn tới từng giáo viên.

- Hướng dẫn, trao đổi kinh nghiệm sử dụng các ứng dụng CNTT như Azota, TN maker để giao bài, hỗ trợ học sinh tự ôn. Trao đổi tài liệu với đơn vị bạn.

- Duy trì SHCM đều đặn tập trung vào chia sẻ, tháo gỡ khó khăn trong quá trình ôn thi cho GV.

- Tổ chuyên môn nắm chắc kế hoạch của từng GV, có việc đôn đốc, động viên GV thường xuyên việc thực hiện kế hoạch đảm bảo kế hoạch khả thi.

***2. Đối với giáo viên, học sinh.***

- Thực hiện nghiêm túc chương trình theo kế hoạch dạy học, không được cắt xén chương trình.

- Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh học kì II và cả năm học theo đúng Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học; đảm bảo khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực thực chất của học sinh.

- Xây dựng kế hoạch và đề cương ôn thi giai đoạn tập trung bám sát cấu trúc đề thi năm 2022 và đề minh họa năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố*.*

- Phân loại học sinh trong mỗi lớp dạy; quan tâm kèm cặp học sinh yếu, trung bình; đối tượng chỉ xét tốt nghiệp; bồi dưỡng nâng cao đối với học sinh khá giỏi xét tuyển vào đại học, cao đẳng; tăng cường kiểm tra, đánh giá học sinh trong suốt quá trình ôn thi.

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học để hấp dẫn, lôi cuốn học sinh, nâng cao hiệu quả giờ ôn tập.

- Phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm trong việc tổ chức ôn tập cho học sinh như theo dõi sĩ số, theo dõi ý thức học tập trên lớp, báo cáo cập nhật tình hình với GVCN và cha mẹ học sinh trên Zalo hoặc Enet Viet; Phối hợp với Đoàn trường, các tổ chức chính trị trong nhà trường để động viên, xử lý các trường hợp học sinh đặc biệt; Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban chuyên môn và tổ, nhóm.

**V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN** (Theo giai đoạn)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Thời gian** | **Nội dung** | **Thực hiện** | **Đánh giá, Điều chỉnh** |
|  | **Tuần từ 6/9 đến 20/5** | - GV ôn tập bám sát các nội dung theo tiến độ chương trình, học đến đâu ôn tập đến đó  - Ôn tập theo hình thức trái buổi.  - Phân tích đề minh hoạ, ra đề khảo sát lần 1 | - GV dạy 12  - Ban chuyên môn |  |
| **2** | **Tuần từ 03/4 đến 22/4** | - Lập và hoàn thiện kế hoạch ôn thi tổ, kế hoạch ôn thi của giáo viên  - Hoàn thiện đề cương ôn tập và bộ câu hỏi, bộ đề thi  - Ra đề khảo sát lần 2  - Coi chấm khảo sát lần 2  - Ôn tập 2 tiết bên cạnh 5 tiết CK. | - Giáo viên dạy lớp 12  - Ban chuyên môn |  |
| **Tuần từ 24/4 đến 20/5** | - Ôn tập 2 tiết bên cạnh 5 tiết CK  - Đánh giá cuối năm  - Chấm bài khảo sát lần 2. | - Giáo viên dạy lớp 12  - Ban chuyên môn |  |
| **Tuần từ 22/5 đến 24/6** | - Ôn tập tập trung với 5 tiết/ tuần.  - Đánh giá giai đoạn 2, chuẩn bị giai đoạn 3 ôn tập trung.  - Hoàn thiện, kết thúc các chủ đề ôn tập. Làm đề luyện tập. | - Giáo viên dạy lớp 12  - Ban chuyên môn |  |

**VI. NỘI DUNG ÔN TẬP**

**1. Tổng số tiết ôn tập:**

Từ 03/4 đến 22/4: 3 tuần x 2 tiết/ tuần = 6 tiết

Từ 24/5 đến 20/5: 4 tuần x 2 tiết/ tuần = 8 tiết

Từ 22/5 đến 24/6: 5 tuần x 9 tiết/ tuần = 45 tiết

Số tiết trong CT nhà trường: 8 tiết

Số tiết dự phòng nghỉ do thi vào lớp 10 và các nguyên nhân khách quan khác 10% = 6 tiết. Nếu được bù đủ thì sử dụng để làm đề, dặn dò cuối)

Tổng: 61 tiết và 6 tiết dự phòng.

**2. Kế hoạch theo chủ đề**

Trên cơ sở phân tích đề thi 2022, đề minh họa 2023, Khối lượng kiến thức để học sinh cùng một lúc không phải tiếp cận nhiều nội dung, tổ dự kiến phân phối đề cương ôn tập như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CHỦ ĐỀ** | | **SỐ TIẾT** |
| 1 | SỐ PHỨC | Số phức và các phép toán | 3 |
| 2 | Phương trình bậc hai với hệ số thực | 1 |
| **Tổng** | | | 4 |
| 3 | PP TOẠ ĐỘ | Hệ trục tọa độ | 2 |
| 4 | PT mặt cầu | 2 |
| 5 | PT mặt phẳng | 2 |
| 6 | PT đường thẳng | 3 |
| **Tổng** | | | 9 |
| **ÔN TẬP LÀM ĐỀ TỔNG HỢP TRÊN LỚP** | | | 2 |
| 7 | ỨNG DỤNG ĐẠO HÀM | Sự biến thiên của hàm số | 3 |
| 8 | Cực trị của hàm số | 3 |
| 9 | GTLN, NN của hàm số | 2 |
| 10 | Tiệm cận | 2 |
| 11 | Đồ thị, tương giao đồ thị | 4 |
| **Tổng** | | | 14 |
| 12 | HÀM SỐ LUỸ THỪA, MŨ, LOGARIT | Hàm số lũy thừa, mũ, loga | 3 |
| 13 | PT, bất phương trình mũ | 3 |
| 14 | PT, bất phương trình logarit | 3 |
| **Tổng** | | | 9 |
| 15 | HÌNH HỌC KHÔNG GIAN | Góc, khoảng cách trong không gian | 2 |
| 16 | Thể tích khối đa diện | 3 |
| 17 | Thể tích, diện tích khối tròn xoay | 2 |
| **Tổng** | | | 7 |
| **ÔN TẬP LÀM ĐỀ TỔNG HỢP TRÊN LỚP** | | | 2 |
| 18 | NGUYÊN HÀM, TÍCH PHÂN VÀ ƯD | Nguyên hàm | 3 |
| 19 | Tích phân | 2 |
| 20 | Ứng dụng tích phân | 2 |
| **Tổng** | | | 7 |
| 21 | TỔ HỢP, XÁC SUẤT, CẤP SỐ | Hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp | 2 |
| 22 | Xác suất | 2 |
| 23 | Cấp số cộng, cấp số nhân | 1 |
| **Tổng** | | | 5 |
| **ÔN TẬP LÀM ĐỀ TỔNG HỢP TRÊN LỚP** | | | 2 |
| **TỔNG** | | | 61 |

*Hải phòng ngày tháng năm 2023*

**PHÊ DUYỆT CỦA BGH TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**